

Số: 3214/QĐ-ĐHSPHN2

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng
ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn và Tiếng Việt**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

Căn cứ Quyết định số 128/CP ngày 14 tháng 8 năm 1967 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục học đại học;

Căn cứ Quyết định số 1543/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội 2 ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ở trường ĐHSP Hà Nội 2.

Căn cứ Kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo tại Biên bản họp ngày 20 tháng 12 năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

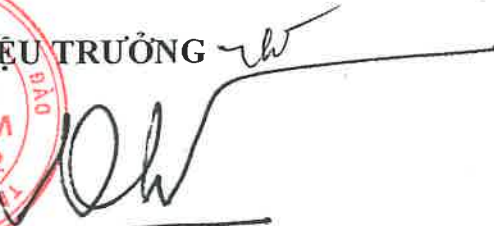
Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn và Tiếng Việt, mã số: 8140111

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các phòng: TC-HC, Đào tạo, Tài vụ; trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu: TC-HC, ĐT.

 **HIỆU TRƯỞNG** 

Nguyễn Quang Huy

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 3274/QĐ-ĐHSPTN2 ngày 29 tháng 12 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2)

Tên chương trình:

Tiếng Việt: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn và Tiếng Việt

Tiếng Anh: Theory and Methodology of Teaching Language and Vietnamese

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành đào tạo: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn

Mã số: 8140111

Tên gọi văn bằng: Thạc sĩ Khoa học Giáo dục (Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn)

Loại hình đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 02 năm

Vị trí việc làm: Giảng dạy, quản lý chuyên môn và các vị trí khác thuộc chuyên ngành đào tạo tại các cơ sở giáo dục, đào tạo.

Khả năng học tập nâng cao trình độ: Nghiên cứu sinh ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn hoặc các ngành thuộc nhóm ngành Khoa học Giáo dục và Đào tạo giáo viên

Thời điểm điều chỉnh CTĐT: Tháng 12/2023

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn và Tiếng Việt định hướng ứng dụng giúp người học có kiến thức nền tảng và kỹ năng chuyên sâu, khả năng làm việc độc lập và sáng tạo, năng lực phát triển các kết quả nghiên cứu cơ bản, năng lực ứng dụng các tri thức khoa học để xây dựng và triển khai hiệu quả các hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn và Tiếng Việt, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thực tiễn nhà trường.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Mã	Mô tả
M1	Bồi dưỡng phẩm chất chính trị, ý thức công dân và đạo đức nghề nghiệp.
M2	Hình thành nền tảng kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng và hiện đại liên quan đến lĩnh vực giáo dục Ngữ văn. Có khả năng đưa ra các kết luận mang tính chuyên gia trong các hoạt động chuyên môn giáo dục Ngữ văn.
M3	Phát triển tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến.
M4	Phát triển năng lực năng lực ứng dụng, chuyển giao các kết quả nghiên cứu cơ bản trong hoạt động chuyên môn giáo dục Ngữ văn.

Mã	Mô tả
M5	Phát triển năng lực truyền bá, phổ biến tri thức khoa học thuộc lĩnh vực giáo dục Ngữ văn.
M6	Phát triển năng lực xây dựng và triển khai hiệu quả các giải pháp, quy trình trong lĩnh vực giáo dục Ngữ văn.
M7	Phát triển năng lực phân tích, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả giáo dục Ngữ văn trong thực tiễn nhà trường.
M8	Phát triển năng lực tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Nội dung chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học có thể:

Mã	Mô tả	Chỉ số thực hiện
C1	Thể hiện tư duy, thể giới quan và phương pháp luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử vững chắc trong nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học chuyên ngành. Trên cơ sở lý luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, luận giải được đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.	C1.1. Vận dụng được thể giới quan và phương pháp luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử vào nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học chuyên ngành C1.2. Luận giải được đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.
C2	Thể hiện sự trung thực, cầu thị, đoàn kết, hợp tác, tư duy độc lập, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.	C2.1. Có tinh thần trách nhiệm, cầu thị, đoàn kết và hợp tác trong công việc C2.2. Trung thực, có tư duy độc lập, sáng tạo trong công việc
C3	Đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương Bậc 4 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	C3.1. Đọc hiểu được những nội dung chính của một văn bản tiếng Anh C3.2. Sử dụng tiếng Anh thành thạo trong giao tiếp hàng ngày C3.3. Viết được văn bản tiếng Anh đúng theo yêu cầu
C4	Khai thác hiệu quả các ứng dụng và vận dụng sáng tạo các ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực giáo dục Ngữ văn.	C4.1. Khai thác được các ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực giáo dục Ngữ văn C4.2. Sử dụng có hiệu quả và sáng tạo các ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực giáo dục Ngữ văn
C5	Vận dụng kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực nghiên cứu lý luận và phương pháp dạy học Ngữ văn và kiến thức cơ sở của các khoa học liên quan để xây dựng và triển khai hiệu quả các giải pháp, quy trình trong lĩnh vực dạy học Ngữ văn.	C5.1. Xây dựng được các giải pháp, quy trình trên cơ sở vận dụng kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực giáo dục Ngữ văn và các khoa học khác có liên quan

		C5.2. Triển khai có hiệu quả các các giải pháp, quy trình trong lĩnh vực giáo dục Ngữ văn
C6	Ứng dụng, phát triển các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục Ngữ văn và các thành tựu nghiên cứu khác vào thực tiễn giáo dục nói chung và dạy học Ngữ văn nói riêng.	C6.1. Ứng dụng được các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn dạy học và giáo dục Ngữ văn C6.2. Phát triển được các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục Ngữ văn vào thực tiễn dạy học và giáo dục nói chung
C7	Vận dụng thành thạo các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục để triển khai các nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục Ngữ văn.	C7.1. Triển khai được các nghiên cứu ứng dụng trong đó có vận dụng các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục
C8	Phổ biến kết quả nghiên cứu, giải pháp thực tiễn trong các hội nghị/hội thảo/tạp chí khoa học chuyên ngành giáo dục Ngữ văn.	C8.1. Trình bày được kết quả nghiên cứu tại các hội nghị/hội thảo/tạp chí khoa học chuyên ngành
C9	Phân tích, đánh giá được kết quả cải tiến các nhiệm vụ thực tiễn và đề xuất được một số giải pháp dạy học thuộc lĩnh vực giáo dục Ngữ văn.	C9.1. Phân tích, đánh giá được kết quả cải tiến các nhiệm vụ thực tiễn thuộc lĩnh vực giáo dục Ngữ văn. C9.2. Đề xuất được một số giải pháp dạy học thuộc lĩnh vực giáo dục Ngữ văn.
C10	Tổ chức hội nghị khoa học và các sinh hoạt học thuật chuyên ngành giáo dục Ngữ văn.	C10.1. Tổ chức được hội nghị khoa học, các sinh hoạt học thuật chuyên ngành giáo dục Ngữ văn

2.2. Ma trận Chuẩn đầu ra - Mục tiêu

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu cụ thể							
	M1	M2	M3	M4	M5	M6	M7	M8
C1	x		x	x			x	x
C2	x		x	x	x		x	
C3				x	x	x		x
C4		x	x	x	x		x	
C5		x	x	x		x		
C6		x		x	x	x		x
C7		x		x		x		x
C8				x	x	x		
C9						x	x	
C10					x		x	

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

TT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ
I	Kiến thức chung	16
I.1	Triết học	4

I.2	Tiếng Anh/Chuyên môn	12
II	Kiến thức cơ sở ngành	14
II.1	Bắt buộc	6
II.2	Tự chọn	8
III	Kiến thức chuyên ngành	15
III.1	Bắt buộc	9
III.2	Tự chọn	6
IV	Thực tập	6
V	Đề án/Dự án tốt nghiệp	9
	TỔNG	60

4. Chuẩn đầu vào

Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp, hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập; Có trình độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

* Danh mục ngành phù hợp: Sư phạm Ngữ văn, Văn học (đã hoàn thành chương trình nghiệp vụ sư phạm); Ngôn ngữ học (đã hoàn thành chương trình nghiệp vụ sư phạm).

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo thực hiện theo phương thức tín chỉ, được tổ chức theo từng năm học và học kỳ. Cụ thể, người học:

- Đăng ký kế hoạch học tập trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, khối lượng tín chỉ tối đa và tối thiểu được phép đăng ký trong mỗi học kỳ tuân thủ Quy định Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2.

- Hoàn thành các học phần theo yêu cầu của chương trình đào tạo với tổng khối lượng 45 tín chỉ (không tính thực tập và đề án tốt nghiệp).

- Hoàn thành việc thực tập với khối lượng 06 tín chỉ.

- Hoàn thành 01 đề án/dự án nghiên cứu trong thời gian ít nhất 03 tháng, kết quả được thể hiện bằng một bản báo cáo đề án (bản thuyết minh quá trình xây dựng, triển khai và kết quả triển khai đề án).

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Người học được công nhận tốt nghiệp khi:

- a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo, thực tập và bảo vệ đề án đạt yêu cầu;

- b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài,

hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường;

d) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

6. Cách thức đánh giá

6.1. Chiến lược đánh giá

Hoạt động đánh giá được thiết kế theo tiếp cận năng lực, kết hợp hợp lý giữa đánh giá kết quả học tập, đánh giá vì học tập và đánh giá như học tập, nhằm:

- Phản ánh chính xác, công bằng, minh bạch năng lực của người học theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, qua đó xác thực hiệu quả của chương trình đào tạo.

- Hỗ trợ và thúc đẩy cải thiện việc học tập của người học, cải tiến phương pháp giảng dạy của giảng viên và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

6.2. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập tuân thủ Quy định Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2. Cụ thể:

6.2.1. Đánh giá học phần (trừ học phần thực tập)

Kết quả học tập học phần được đánh giá qua các hình thức phù hợp để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần, được thể hiện bởi một điểm học phần. Điểm học phần được tính từ tổng điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Số lượng điểm thành phần, hình thức đánh giá và trọng số mỗi điểm thành phần thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của học phần.

Kết quả học tập học phần chỉ được xếp loại Đạt khi điểm học phần từ 5,5 trở lên theo thang điểm 10.

6.2.2. Đánh giá sau từng học kỳ

Kết quả học tập được đánh giá sau từng học kỳ qua các chỉ tiêu sau:

1. Khối lượng kiến thức tích lũy: tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá tính từ đầu khóa học.

2. Điểm trung bình chung tích lũy: là điểm trung bình cộng có trọng số của các điểm học phần (đã quy đổi theo thang điểm 4) mà người học đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xét, với trọng số là số tín chỉ của từng học phần.

6.2.3. Đánh giá việc thực tập

Các chuyên đề thực tập được đánh giá bởi hội đồng chuyên môn ở nhà trường phổ thông. Điểm của chuyên đề thực tập là điểm chấm đánh giá thực tập của thành viên hội đồng theo thang điểm 10; Chuyên đề được xếp loại Đạt khi điểm chuyên đề lớn hơn hoặc bằng 5,0 điểm.

6.2.4. Đánh giá đề án/Dự án tốt nghiệp

Đề án/Dự án tốt nghiệp được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng đánh giá. Điểm đề án/ dự án là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên hội

đồng có mặt trong buổi đánh giá theo thang điểm 10; Đề án/Dự án tốt nghiệp được xếp loại Đạt khi điểm Đề án/Dự án lớn hơn hoặc bằng 5,5 điểm. Buổi bảo vệ được tổ chức công khai trừ những đề tài/ Dự án tốt nghiệp thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà nước. Trong trường hợp đề án/ Dự án tốt nghiệp không đạt yêu cầu, học viên được chỉnh sửa, bổ sung đề án/dự án để được đánh giá lần thứ hai trong thời hạn 45 ngày tính từ ngày họp hội đồng đánh giá lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá đề án lần thứ ba.

7. Nội dung chương trình

7.1. Khung chương trình

TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành		
I. Khối kiến thức chung			16					
I.1. Bắt buộc			4					
1.	Triết học	PHIL501	4	42	36	0	0	122
I.2. Tự chọn			12					
2.	Tự chọn 1 (Ngoại ngữ)							
	Tiếng Anh B2.1	ENGL101	4	30	60			110
	Tiếng Anh B2.2	ENGL102	4	30	60			110
	Tiếng Anh B2.3	ENGL103	4	30	60			110
	Tự chọn 2 (Dành cho lưu học sinh)							
	Tiếng Việt nâng cao	VIE 104	4	30	60			110
	Lịch sử, địa lí Việt Nam	VIE 105	4	45	30			125
	Văn hóa và các dân tộc Việt Nam	VIE 106	4	45	30			125
II. Khối kiến thức cơ sở ngành			14					
II.1. Bắt buộc			6					
3.	Xu thế quốc tế về nghiên cứu ngôn ngữ và văn học trong nhà trường	LITE551	2	15	30			55
4.	Ngôn ngữ, văn học	LITE552	2	15	30			55
5.	Nghiên cứu thực tiễn về văn học nhà trường	LITE553	2				100	
II.2. Tự chọn (Chọn 4 trong 8 học phần)			8					
6.	Ứng dụng lí thuyết lí luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường phổ thông	LLTM561	2	15	30			55

TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành		
7.	Nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông	LLTM562	2	15	30			55
8.	Vận dụng lí thuyết tiếp nhận văn học vào dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông	LLTM563	2	15	30			55
9.	Vận dụng lí thuyết văn học vào dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông	LLTM 564	2	15	30			55
10.	Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam và ứng dụng vào dạy đọc hiểu văn bản văn học trung đại ở trường PT	LLTM565	2	15	30			55
11.	Đặc trưng văn xuôi lãng mạn, văn xuôi hiện thực giai đoạn 1930-1945 và ứng dụng vào dạy đọc hiểu văn bản văn học ở trường phổ thông	LLTM566	2	15	30			55
12.	Đổi mới thơ Việt Nam sau 1975 và ứng dụng vào dạy học thơ ở trường phổ thông	LLTM567	2	15	30			55
13.	Ngôn ngữ nghệ thuật và ứng dụng vào dạy học đọc hiểu văn bản văn học ở trường phổ thông	LLTM569	2	15	30			55
III. Khối kiến thức chuyên ngành			15					
III.1. Bắt buộc			9					
14.	Dạy chiến lược, kĩ thuật đọc hiểu văn bản cho học sinh ở trường phổ thông	LLTM571	3	30	30			90
15.	Phát triển năng lực tạo lập văn bản cho học sinh trong dạy học Ngữ văn	LLTM572	3	30	30			90
16.	Nghiên cứu thực tiễn về giáo dục Ngữ văn địa phương	LLTM574	3				150	
III.2. Tự chọn (Chọn 3 trong 8 học phần)			6					
17	Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn	LLTM573	2	15	30			55

TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành		
18.	Câu hỏi dạy học đọc hiểu văn bản văn học theo tiếp cận năng lực	LLTM582	2	15	30			55
19.	Kí hiệu học văn học và ứng dụng trong dạy học đọc hiểu văn bản văn chương	LLTM583	2	15	30			55
20.	Biện pháp phát huy vai trò bạn đọc sáng tạo của học sinh trong dạy đọc văn	LLTM584	2	15	30			55
21.	Dạy chiến lược, kĩ thuật viết cho học sinh trung học	LLTM585	2	15	30			55
22.	Dạy phát triển kĩ năng nói cho học sinh trung học	LLTM586	2	15	30			55
23.	Văn bản thông tin và dạy học văn bản thông tin	LLTM587	2	15	30			55
24.	Văn bản đa phương thức và dạy học văn bản đa phương thức	LLTM588	2	15	30			55
IV. Thực tập		PRA 401	6					
V. Đề án/Dự án tốt nghiệp		THE 502	9					
TỔNG CỘNG:			60					

7.2. Ma trận Học phần - Chuẩn đầu ra

Học phần	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10
PHIL501	T				I		I			
ENG 101			T		I	I		I		
ENG 102			T		I	I		I		
ENG 103			T		I	I		I		
VIE 104		T			T	I				
VIE 105		T			T	I				
VIE 106		T			T	I				
LITE551		T			T					
LITE552		T				T	I			
LITE553		T		I		I	T	I	T	
LLTM561		T			I					
LLTM562		T			I					I
LLTM563		T			T					
LLTM564		T			T					
LLTM565		T			T					

Học phần	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10
LLTM566		T			T					
LLTM567		T			T					
LLTM569		T			T					
LLTM571		T			I					
LLTM572		T			I					
LLTM574		T		I	I	I	T	I	T	
LLTM573		T							T	
LLTM582		T			I					
LLTM583		T			I	I				
LLTM584		T			I					T
LLTM585		T			I					
LLTM586		T			I					
LLTM587		T			I					
LLTM588		T			I					
PRA 401	TU	T	U	U	T	T	T	T	T	T
THE 502	TU	T	U	U	T	T	T	T	T	T

Học phần	C1		C2		C3			C4		C5		C6		C7	C8	C9		C10
	C1.1	C1.2	C2.1	C2.2	C3.1	C3.2	C3.3	C4.1	C4.2	C5.1	C5.2	C6.1	C6.2	C7.1	C8.1	C9.1	C9.2	C10.1
PHIL501	T	T								I	I			I				
ENG 101					T	T	T			I	I	I	I		I			
ENG 102					T	T	T			I	I	I	I		I			
ENG 103					T	T	T			I	I	I	I		I			
VIE 104			T	T						T	T	I	I					
VIE 105			T	T						T	T	I	I					
VIE 106			T	T						T	T	I	I					
LITE551			T	T						T	T							
LITE552			T	T								T	T	I				
LITE553			T	T				I	I			I	I	T	I	T	T	
LLTM561			T	T						I	I							
LLTM562			T	T						I	I	I	I					
LLTM563			T	T						T	T							
LLTM564			T	T						T	T							
LLTM565			T	T						T	T							
LLTM566			T	T						T	T							
LLTM567			T	T						T	T							
LLTM569			T	T						T	T							
LLTM571			T	T						I	I							
LLTM572			T	T						I	I							
LLTM574			T	T				I	I	I	I	I	I	T	I	T	T	
LLTM573			T	T												T	T	
LLTM582			T	T						I	I							
LLTM583			T	T						I	I	I	I					
LLTM584			T	T						I	I							T

LLTM585			T	T						I	I							
LLTM586			T	T						I	I							
LLTM587			T	T						I	I							
LLTM588			T	T						I	I							
PRA 401	TU	TU	T	T	U	U	U	U	U	T	T	T	T	T	T	T	T	T
THE 502	TU	TU	T	T	U	U	U	U	U	T	T	T	T	T	T	T	T	T

7.3. Kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa

Mã học phần	Tên học phần	Năm/học kỳ			
		I		II	
		1	2	3	4
	Các học phần chung				
PHIL501	Triết học	4			
ENG 101	Tiếng Anh B2.1	4			
ENG 102	Tiếng Anh B2.2	4			
ENG 103	Tiếng Anh B2.3	4			
VIE 104	Tiếng Việt nâng cao	4			
VIE 105	Lịch sử, địa lí Việt Nam	4			
VIE 106	Văn hóa và các dân tộc Việt Nam	4			
Tổng cộng kỳ 1		16			
	Các học phần cơ sở				
	Bắt buộc		6		
LITE551	Xu thế quốc tế về nghiên cứu ngôn ngữ và văn học trong nhà trường		2		
LITE552	Ngôn ngữ và văn học		2		
LITE553	Nghiên cứu thực tiễn về văn học nhà trường		2		
	Tự chọn (Chọn 4 trong 8 học phần)		8		
LLTM561	Ứng dụng lý thuyết lý luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường Phổ thông		2		
LLTM562	Nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông		2		
LLTM563	Vận dụng lí thuyết tiếp nhận văn học vào dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông		2		
LLTM564	Vận dụng lí thuyết văn học vào dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông		2		
LLTM565	Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam và ứng dụng vào dạy học đọc hiểu văn bản văn học trung đại ở trường phổ thông		2		
LLTM566	Đặc trưng văn xuôi lãng mạn, văn xuôi hiện thực giai đoạn 1930-1945 và ứng dụng vào dạy học đọc hiểu văn bản văn học ở trường phổ thông		2		
LLTM567	Đổi mới thơ Việt Nam sau 1975 và ứng dụng vào dạy học thơ ở trường phổ thông		2		
LLTM569	Ngôn ngữ nghệ thuật và ứng dụng vào dạy học đọc hiểu văn bản văn học ở trường phổ thông		2		
Tổng cộng kỳ 2			14		

Mã học phần	Tên học phần	Năm/học kỳ			
		I		II	
		1	2	3	4
	Các học phần chuyên ngành				
	Bắt buộc			9	
LLTM571	Dạy chiến lược, kĩ thuật đọc hiểu văn bản cho học sinh ở trường phổ thông			3	
LLTM572	Phát triển năng lực tạo lập văn bản cho học sinh trong dạy học Ngữ văn			3	
LLTM574	Nghiên cứu thực tiễn về giáo dục Ngữ văn địa phương			3	
	Tự chọn (Chọn 3 trong 8 học phần)			6	
LLTM573	Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn			2	
LLTM582	Câu hỏi dạy học đọc hiểu văn bản văn học theo tiếp cận năng lực			2	
LLTM583	Kí hiệu học văn học và ứng dụng trong dạy học đọc hiểu văn bản văn chương			2	
LLTM584	Biện pháp phát huy vai trò bạn đọc sáng tạo của học sinh trong dạy đọc văn			2	
LLTM585	Dạy chiến lược, kĩ thuật viết cho học sinh trung học			2	
LLTM586	Dạy phát triển kĩ năng nói cho học sinh trung học			2	
LLTM587	Văn bản thông tin và dạy học văn bản thông tin			2	
LLTM588	Văn bản đa phương thức và dạy học văn bản đa phương thức			2	
Tổng cộng kỳ 3				15	
PRA 401	Thực tập				6
THE 502	Đề án/Dự án tốt nghiệp				9
Tổng cộng kỳ 4					15

8. Mô tả tóm tắt các học phần

8.1. Triết học (4 tín chỉ)

Học phần được bố trí giảng dạy - học tập trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo nhằm bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thể giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn; Học phần còn góp phần bồi dưỡng phẩm chất chính trị cho người học và bổ trợ tri thức, hình thành nền tảng thể giới quan và phương pháp luận đúng đắn trong nghiên cứu các môn khoa học chuyên ngành.

8.2. Tiếng Anh B21 (4 tín chỉ)

Tiếng Anh B2.1 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ ứng. Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho học viên khối kiến thức cũng như kĩ năng thực hành tiếng Anh (kỹ năng nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ trung cấp. Bên cạnh đó, học phần giúp học viên rèn luyện và nâng cao kỹ năng phát âm Tiếng Anh. Học phần cũng

bước đầu định hướng và giúp học viên làm quen với các định dạng bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ nhằm tiếp cận chuẩn đầu ra tiếng Anh trong chương trình thạc sĩ ứng dụng.

8.3. Tiếng Anh B22 (4 tín chỉ)

Tiếng Anh B2.2 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ ứng dụng và được giảng dạy sau học phần Tiếng Anh B2.1. Học phần này tiếp tục trang bị cho học viên khối kiến thức mở rộng cũng như kỹ năng thực hành tiếng Anh (kỹ năng nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ trung cấp. Bên cạnh phát triển các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh, học phần giúp phát triển tư duy phản biện cho học viên thông qua các chủ đề và nhiệm vụ học tập sử dụng tiếng Anh. Học viên cũng được luyện tập, thực thành làm bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ nhằm tiếp cận chuẩn đầu ra Tiếng Anh trong chương trình thạc sĩ ứng dụng.

8.4. Tiếng Anh B23 (4 tín chỉ)

Tiếng Anh B2.3 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ và là học phần tiếp nối của hai học phần Tiếng Anh B2.1 và Tiếng Anh B2.2. Học phần trang bị cho học viên khối kiến thức chuyên sâu cũng như phát triển kỹ năng thực hành tiếng Anh (kỹ năng nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ trung cao cấp. Học viên cũng tiếp tục được luyện tập, thực thành làm bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ nhằm tiếp cận chuẩn đầu ra Tiếng Anh trong chương trình thạc sĩ.

8.5. Tiếng Việt nâng cao (4 tín chỉ)

Học phần này giúp học viên nâng cao kiến thức, kỹ năng sử dụng Tiếng Việt để đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu ở trình độ thạc sĩ. Nội dung học phần tập trung tăng cường hệ thống từ vựng, nhất là những thuật ngữ trong lĩnh vực giáo dục, rèn luyện các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe, trong đó, chú ý việc đọc các tài liệu học thuật, viết các báo cáo nghiên cứu và trình bày, trao đổi, thảo luận về một vấn đề nghiên cứu tự nhiên hoặc xã hội.

8.6. Lịch sử, địa lý Việt Nam (4 tín chỉ)

Học phần giúp người học hiểu được tiến trình lịch sử, đặc điểm thế giới quan và nhân sinh quan của người Việt Nam, đồng thời trang bị cho người học những kiến thức về vị trí địa lý và lãnh thổ Việt Nam; đặc điểm địa hình, khí hậu, sông ngòi - biển, đất sinh vật, vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam.

8.7. Văn hóa và các dân tộc Việt Nam (4 tín chỉ)

Học phần tập trung trang bị cho học viên những kiến thức về đặc trưng văn hóa Việt Nam, một số lễ hội tiêu biểu, những nét đặc thù về tôn giáo, tín ngưỡng của Việt Nam, đồng thời cung cấp hệ thống tri thức về các dân tộc ở Việt Nam, bao gồm: sự phân bố và đặc điểm văn hóa của các tộc người ở Việt Nam; đường lối, chính sách của Nhà nước Việt Nam về phát triển văn hóa các dân tộc.

8.8. Xu thế quốc tế về nghiên cứu ngôn ngữ và văn học trong nhà trường (2 tín chỉ)

Học viên tiếp tục nghiên cứu mở rộng vấn đề dạy học môn Ngữ văn trong bối cảnh quốc tế với các xu hướng đổi mới. Thông qua học phần này, học viên được tiếp cận với các nghiên cứu quốc tế về ngôn ngữ và văn học, đánh giá theo tiếp cận năng lực, đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới thiết kế bài học... Đồng thời giúp học viên rèn luyện kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong quá trình nghiên cứu và học tập của chuyên ngành. Học phần có mối quan hệ gần gũi với các học phần chuyên ngành lí luận và PPDH bộ môn Văn và TV.

8.9. Ngôn ngữ và văn học (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học những tri thức cơ bản và chuyên sâu về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn học; giúp người học hiểu, giải thích được bản chất của hoạt động giao tiếp văn chương, đặc biệt là vai trò của tín hiệu thẩm mỹ trong tác phẩm văn chương. Từ đó vận dụng những tri thức về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn chương, về tín hiệu thẩm mỹ văn chương để phục vụ hoạt động dạy học đọc hiểu văn bản văn học cho học sinh phổ thông và phục vụ cho mục đích nghiên cứu. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các môn học thuộc chuyên ngành ngôn ngữ như *Ngôn ngữ nghệ thuật, Phong cách học - Những vấn đề từ lí thuyết đến thực tiễn tiếng Việt, Những vấn đề cơ bản của từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*.

8.10. Nghiên cứu thực tiễn về văn học nhà trường (2 tín chỉ)

Học phần này giúp cho người học tìm hiểu và thu thập những thông tin cụ thể, thực tế về hoạt động giáo dục tại địa phương, bao gồm: nội dung giáo dục địa phương, các hoạt động giáo dục tại nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông mới và yêu cầu đổi mới giáo dục, những thuận lợi và khó khăn của các địa phương trong việc tổ chức triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới,... Học phần được thực hiện bằng hình thức đi thực tế và trải nghiệm thực tiễn giáo dục tại các cơ sở giáo dục tại địa phương (Sở/Phòng GD&ĐT, các trường mầm non/phổ thông, các trường ĐH, CĐ của địa phương,...)

8.11. Ứng dụng lí thuyết lí luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường phổ thông (2 tín chỉ)

Học phần này có vai trò quan trọng đối với việc đào tạo thạc sĩ ngành Lí luận và PPDH bộ môn Văn và Tiếng Việt bởi thực tiễn đã cho thấy đại bộ phận học viên cao học ngữ văn trong các trường ĐHSP là GV phổ thông và SVSP mới tốt nghiệp. Ở trình độ đại học, người học mới được tìm hiểu về các vấn đề Lí luận văn học. Đến bậc học thạc sĩ, học viên tiếp tục được ứng dụng các lí thuyết lí luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn một cách có hiệu quả. Học phần thể hiện sự ứng dụng của lí thuyết lí luận văn học vào thiết kế và dạy học Ngữ văn, do đó có quan hệ chặt chẽ với những học phần lí luận văn học và những học phần về chuyên ngành phương pháp như: *Dạy chiến lược, kĩ thuật đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông; Phát*

triển năng lực tạo lập văn bản cho học sinh trong dạy học Ngữ văn;

8.12. Nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông (2 tín chỉ)

Người học đi sâu nghiên cứu, phân tích những đặc trưng cơ bản của văn học nước ngoài; những khó khăn khi giảng dạy văn học nước ngoài ở phổ thông; giúp người học phát triển khả năng cảm thụ, phân tích tác phẩm văn học trên cơ sở so sánh các văn bản văn học trong và ngoài nước. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần về chuyên ngành phương pháp như: *Dạy chiến lược, kĩ thuật đọc hiểu văn bản cho HS ở trường phổ thông; Phát triển năng lực tạo lập văn bản cho học sinh trong dạy học Ngữ văn,*

8.13. Vận dụng lí thuyết tiếp nhận văn học vào dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông (2 tín chỉ)

Học phần đi vào một phần lí thuyết hiện đại của lí luận văn học là mĩ học tiếp nhận. Trước đây, người ta chưa nhận thức đúng mức vai trò của người đọc trong hoạt động văn học, tuy nhiên khi lí thuyết tiếp nhận ra đời và được ứng dụng, vai trò của người đọc đã được nâng lên một tầm mức mới. Lúc này, nghiên cứu văn học được định hình như là những cách đọc xuất phát từ những lí thuyết khác nhau mà mỗi lí thuyết là một cách nhìn về tác phẩm. Người học có điều kiện đi sâu vào tìm hiểu các vấn đề của lí thuyết tiếp nhận văn học hiện đại và cách ứng dụng lí thuyết này vào thực tiễn nghiên cứu và giảng dạy văn học. Học phần quan tâm đến sự giải mã văn học của người đọc, có quan hệ chặt chẽ với những học phần lí luận văn học và các học phần văn học Việt Nam, văn học nước ngoài, ngôn ngữ trong chương trình như *Nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông, Ngôn ngữ nghệ thuật và ứng dụng vào dạy học đọc hiểu văn bản văn học ở trường phổ thông; ...*

8.14. Vận dụng lí thuyết văn học vào dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những tri thức mang tính lí luận về văn học so sánh như: Lịch sử ra đời, những quan niệm về văn học so sánh; mục đích, đối tượng, phạm vi... của văn học so sánh; Những vấn đề lí luận và thực tiễn đang tồn tại của văn học so sánh trên thế giới và ở Việt Nam. Qua đó, học viên có những hiểu biết sâu rộng về các vấn đề của văn học so sánh - một hướng nghiên cứu văn học có khả năng ứng dụng cao. Học phần có quan hệ chặt chẽ với học phần *Vận dụng lí thuyết tiếp nhận văn học vào dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông*.

8.15. Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam và ứng dụng vào dạy học đọc hiểu văn bản văn học trung đại ở trường phổ thông (2 tín chỉ)

Học phần nhấn mạnh những đặc trưng của văn học Việt Nam trung đại: quy phạm - bất quy phạm, văn tự, thể loại, khuynh hướng sáng tác, ngôn ngữ...; đặt tác phẩm văn học trung đại trong bối cảnh văn hóa đương thời. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Vận dụng lí thuyết tiếp nhận văn học vào dạy học Ngữ văn*

ở trường phổ thông; Vận dụng lí thuyết tiếp nhận văn học vào dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông; ...

8.16. Đặc trưng văn xuôi lãng mạn, văn xuôi hiện thực giai đoạn 1930-1945 và ứng dụng vào dạy học đọc hiểu văn bản văn học ở trường phổ thông (2 tín chỉ)

Học phần tiếp tục mở rộng, đào sâu phát triển các nội dung khoa học về văn xuôi Việt Nam 1930 -1945; nâng cao trình độ ứng dụng giảng dạy văn xuôi Việt Nam hiện đại trong trường THPT; phát triển các kĩ năng và phương pháp nghiên cứu các vấn đề văn xuôi hiện đại một cách khoa học và có hiệu quả. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Vận dụng lí thuyết tiếp nhận văn học vào dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông*;

Vận dụng lí thuyết văn học vào dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông; ...

8.17. Đổi mới thơ Việt Nam sau 1975 và ứng dụng vào dạy học thơ ở trường phổ thông (2 tín chỉ)

Học phần bổ sung, cập nhật những phương pháp tiếp cận khoa học về thơ; phát triển những kĩ năng và phương pháp nghiên cứu các vấn đề về thơ Việt Nam 1945 -1975 một cách khoa học và có hiệu quả. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Vận dụng lí thuyết tiếp nhận văn học vào dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông; Vận dụng lí thuyết tiếp nhận văn học vào dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông; ...*

8.18. Ngôn ngữ nghệ thuật và ứng dụng vào dạy học đọc hiểu văn bản văn học ở trường phổ thông (2 tín chỉ)

Học phần *Ngôn ngữ nghệ thuật và ứng dụng vào dạy học đọc hiểu văn bản văn học ở trường phổ thông* cung cấp cho học viên Cao học ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn và Tiếng Việt các nội dung nghiên cứu về: Cơ sở lí thuyết của việc tiếp cận ngôn ngữ nghệ thuật (Những vấn đề chung về nghệ thuật, lí thuyết tín hiệu học và lí thuyết ngôn ngữ học, cơ sở tâm lí học-văn hóa học), bản chất và chức năng của ngôn ngữ nghệ thuật, đặc trưng của văn bản nghệ thuật; đồng thời học phần trang bị cho học viên các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ nghệ thuật để vận dụng vào nghiên cứu ngôn ngữ trong các văn bản văn học nghệ thuật của người Việt cũng như trong nghiên cứu đối chiếu với các dân tộc khác, ở các quốc gia khác nhau. Từ những tri thức đó, người học có thể vận dụng vào thực tiễn dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông hoặc vận dụng vào mục đích nghiên cứu chuyên sâu về ngôn ngữ nghệ thuật. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần trong chuyên ngành đào tạo như: *Ngôn ngữ và văn học, Vận dụng lí thuyết tiếp nhận văn học vào dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông; Vận dụng lí thuyết tiếp nhận văn học vào dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông; ...*

8.19. Dạy chiến lược, kĩ thuật đọc hiểu văn bản cho học sinh ở trường phổ thông (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho học viên những vấn đề lý thuyết căn bản và nhiều bình diện về đọc hiểu, đọc hiểu văn học từ lý thuyết, lịch sử đến hệ thống các chiến thuật, kỹ thuật dạy học đọc hiểu văn học. Học phần có quan hệ mật thiết với các học phần cơ sở về nghiên cứu và giảng dạy văn học đồng thời có sự tương tác với các học phần chuyên ngành như: *Ngôn ngữ và văn học; Câu hỏi dạy học đọc hiểu văn bản văn học theo tiếp cận năng lực; Biện pháp phát huy vai trò bạn đọc sáng tạo của học sinh trong dạy đọc văn;*

8.20. Phát triển năng lực tạo lập văn bản cho học sinh trong dạy học Ngữ văn (3 tín chỉ)

Học phần mở rộng, đào sâu vào những kiến thức có tính hệ thống, nâng cao về dạy tạo lập các loại văn bản theo hướng phát triển năng lực học sinh. Đặc biệt, học viên sẽ được nghiên cứu sâu về vấn đề năng lực tạo lập văn bản của HS trung học (cấu trúc, thành tố, các chỉ số hành vi) và các cách thức, biện pháp dạy học để phát triển các thành tố trong cấu trúc năng lực tạo lập văn bản của HS. Học phần có liên quan mật thiết đến các học phần cơ sở về ngôn ngữ và các học phần chuyên ngành: *Dạy chiến lược, kỹ thuật đọc hiểu văn bản cho học sinh ở trường phổ thông; Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn; Câu hỏi dạy học đọc hiểu văn bản văn học theo tiếp cận năng lực; Dạy chiến lược, kỹ thuật viết cho học sinh trung học; Dạy phát triển kỹ năng nói cho học sinh trung học;....*

8.21. Nghiên cứu thực tiễn về giáo dục Ngữ văn địa phương (3 tín chỉ)

Học phần giúp cho người học có những trải nghiệm tế và cơ hội tìm hiểu, thu thập dữ liệu về thực tiễn giáo dục Ngữ văn tại các cơ sở giáo dục; nội dung giáo dục địa phương, các hoạt động giáo dục tại nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông mới và yêu cầu đổi mới giáo dục, những thuận lợi và khó khăn của các địa phương trong việc tổ chức triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới,... Qua học phần này, học viên sẽ áp dụng các tri thức đã được trang bị ở học phần trước vào việc điều tra, khảo sát thực trạng dạy học Ngữ văn, đánh giá học sinh, phát triển chương trình nhà trường, các hoạt động trải nghiệm,..., từ đó, có căn cứ để đưa ra những đánh giá khách quan về thực tiễn. Học phần được thực hiện bằng hình thức đi thực tế và trải nghiệm thực tiễn giáo dục tại các cơ sở giáo dục tại địa phương (các trường phổ thông, các trường ĐH, CĐ của địa phương,...)

8.22. Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn (2 tín chỉ)

Tiếp nối những nội dung cơ bản đã có về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS nói chung và kiểm tra, đánh giá trong môn Ngữ văn nói riêng ở trình độ đại học, học phần này trang bị cho học viên lý luận đổi mới đánh giá quá trình, kết quả học tập môn Ngữ văn của HS ở trường trung học theo định hướng phát triển năng lực. Trong đó, người học sẽ được học sâu về: các thang đo trong đánh giá năng lực; các công cụ chủ yếu trong đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì theo tiếp cận năng lực; các nguyên

tắc và quy trình xây dựng công cụ đánh giá năng lực HS. Học phần có mối quan hệ mật thiết với các học phần khác của chuyên ngành và môn học cơ sở ngành là “*Xu thế quốc tế về nghiên cứu ngôn ngữ và văn học trong nhà trường*”,....

8.23. Câu hỏi dạy học đọc hiểu văn bản văn học theo tiếp cận năng lực (2 tín chỉ)

Học phần giúp học viên nghiên cứu sâu những vấn đề lý luận về câu hỏi đọc hiểu văn bản văn học như: câu hỏi trong dạy học đọc hiểu theo tiếp cận năng lực; câu hỏi đọc hiểu trong SGK nước ngoài (Hoa Kỳ, Singapore...); thiết kế câu hỏi đọc hiểu theo tiếp cận năng lực; sử dụng câu hỏi đọc hiểu trong dạy học văn theo CT, SGK Ngữ văn mới. Học phần có quan hệ mật thiết với hầu hết các môn cơ sở ngành và chuyên ngành về văn học và giáo dục văn học như: *Ngôn ngữ và văn học, Biện pháp phát huy vai trò bạn đọc sáng tạo của học sinh trong dạy đọc văn; Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn;*

8.24. Kí hiệu học văn học và ứng dụng trong dạy học đọc hiểu văn bản văn chương (2 tín chỉ)

Đây là học phần giúp học viên nghiên cứu sâu một số vấn đề lý luận về lí thuyết kí hiệu học (khái niệm; lịch sử hình thành, phát triển; đối tượng, phạm vi nghiên cứu và những luận điểm cơ bản của lí thuyết kí hiệu học văn học); đồng thời nghiên cứu về việc ứng dụng những thành tựu của lí thuyết kí hiệu học vào dạy học đọc hiểu văn bản văn học trong nhà trường. Học phần có quan hệ mật thiết với hầu hết các môn cơ sở ngành và ngành về văn học và giáo dục văn học như: *Dạy chiến lược, kĩ thuật đọc hiểu văn bản cho học sinh ở trường phổ thông; Phát triển năng lực tạo lập văn bản cho học sinh trong dạy học Ngữ văn; Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn; Dạy phát triển kĩ năng nói cho học sinh trung học; Câu hỏi dạy học đọc hiểu văn bản văn học theo tiếp cận năng lực,...*

8.25. Biện pháp phát huy vai trò bạn đọc sáng tạo của học sinh trong dạy đọc văn (2 tín chỉ)

Học sinh - bạn đọc sáng tạo là tư tưởng đổi mới có tính đặc thù của dạy học tác phẩm văn chương ở trường phổ thông. Trong xu thế đổi mới dạy học đọc hiểu văn học, người GV cần nắm chắc những nội dung cơ bản của định hướng này đồng thời biết cách thực hiện tư tưởng đổi mới đó. Học phần giúp học viên nghiên cứu chuyên sâu hơn về nội dung cơ bản: Những tiền đề lý luận và thực tiễn, đa ngành và liên ngành, truyền thống và hiện đại, trong nước và nước ngoài của dạy học tác phẩm văn chương theo hướng phát huy vai trò bạn đọc sáng tạo của học sinh; Đặc trưng của hoạt động dạy học tác phẩm văn chương trong nhà trường. Học phần có quan hệ mật thiết với các môn ngành như: *Dạy chiến lược, kĩ thuật đọc hiểu văn bản cho học sinh ở trường phổ thông; Phát triển năng lực tạo lập văn bản cho học sinh trong dạy học Ngữ văn; Đánh giá năng*

lực học sinh trong dạy học Ngữ văn; Câu hỏi dạy học đọc hiểu văn bản văn học theo tiếp cận năng lực; Dạy chiến lược, kỹ thuật viết cho học sinh trung học.

8.26. Dạy chiến lược, kỹ thuật viết cho học sinh trung học (2 tín chỉ)

Đây là học phần có nhiệm vụ giúp học viên có điều kiện nghiên cứu những nội dung cơ bản về kỹ năng viết và cách thức rèn kỹ năng này trong quá trình dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông theo yêu cầu đổi mới. Theo đó những nội dung nâng cao hơn so với chương trình đại học của học phần này là thực tiễn nghiên cứu về kỹ năng viết, dạy viết trong SGK nước ngoài; các chiến lược viết; xây dựng hồ sơ viết... Học phần này có mối quan hệ với hầu hết các môn cơ sở ngành và ngành về ngôn ngữ và giáo dục ngôn ngữ;

8.27. Dạy phát triển kỹ năng nói cho học sinh trung học (2 tín chỉ)

Theo chương trình Ngữ văn 2018, dạy học kỹ năng nói được triển khai nhằm đáp ứng tính thời sự của yêu cầu đổi mới giáo dục. Học phần này vừa tiếp nối vừa mở rộng nâng cao hơn so với chương trình đại học trong các nội dung: kỹ năng nói và vấn đề phát triển kỹ năng này cho HS; phương pháp phát triển kỹ năng này cho HS phổ thông. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần *Ngôn ngữ và văn học, Văn bản thông tin và dạy học văn bản thông tin; Biện pháp phát huy vai trò bạn đọc sáng tạo của học sinh trong dạy đọc văn; Câu hỏi dạy học đọc hiểu văn bản văn học theo tiếp cận năng lực; Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn;*

8.28. Văn bản thông tin và dạy học văn bản thông tin (2 tín chỉ)

Trên cơ sở những kiến thức sơ giản về văn bản thông tin và phương pháp dạy đọc văn bản thông tin được trang bị ở bậc Đại học, học viên sẽ được nghiên cứu sâu về văn bản thông tin: các quan niệm về văn bản thông tin trong và ngoài nước; văn bản thông tin trong SGK nước ngoài; dạy đọc hiểu và dạy tạo lập văn bản thông tin. Học phần có quan hệ mật thiết với hầu hết các môn cơ sở ngành và ngành về văn học và giáo dục văn học như: *Dạy chiến lược, kỹ thuật đọc hiểu văn bản cho học sinh ở trường phổ thông; Phát triển năng lực tạo lập văn bản cho học sinh trong dạy học Ngữ văn; Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn; Dạy phát triển kỹ năng nói cho học sinh trung học;*

8.29. Văn bản đa phương thức và dạy học văn bản đa phương thức (2 tín chỉ)

Học phần giúp học viên nghiên cứu sâu về văn bản đa phương thức: các quan niệm về văn bản đa phương thức trong và ngoài nước; văn bản đa phương thức trong SGK nước ngoài; dạy đọc hiểu và dạy tạo lập văn bản đa phương thức. Học phần có quan hệ mật thiết với hầu hết các môn cơ sở ngành và ngành về văn học và giáo dục văn học như: *Ngôn ngữ và văn học; Dạy chiến lược, kỹ thuật đọc hiểu văn bản cho học sinh ở trường phổ thông; Phát triển năng lực tạo lập văn bản cho học sinh trong dạy học*

Ngữ văn; Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn; Dạy phát triển kỹ năng nói cho học sinh trung học;....

8.30. Thực tập (6 tín chỉ)

Thực tập là hoạt động thực tiễn, trải nghiệm nghề nghiệp bắt buộc đối với học viên, đòi hỏi học viên phải tiến hành vận dụng các kiến thức và kỹ năng trong lĩnh vực giáo dục Ngữ văn đã được trang bị trong chương trình đào tạo vào thực tiễn giáo dục tại các nhà trường hoặc các cơ sở giáo dục và đào tạo. Trong đó, tập trung vào việc xây dựng và triển khai hiệu quả các nội dung, quy trình giáo dục Ngữ văn; nhận diện, mô tả, phân tích, đánh giá, cải tiến hiệu quả giáo dục Ngữ văn trong thực tiễn nhà trường.

8.31. Đề án/Dự án tốt nghiệp (9 tín chỉ)

Đề án/Dự án tốt nghiệp giúp học viên ứng dụng những kiến thức liên ngành, chuyên ngành giáo dục Ngữ văn và các kỹ năng nghiên cứu vào tìm hiểu, phát hiện và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực giáo dục Ngữ văn, đồng thời đề xuất và chứng minh tính khả thi của các biện pháp đã đề xuất. Kết quả của việc triển khai đề án/Dự án tốt nghiệp được thể hiện dưới dạng một bản báo cáo (bản thuyết minh) quá trình xây dựng, triển khai và kết quả triển khai đề án), đáp ứng các yêu cầu: (i) Đề xuất và kiểm nghiệm được mô hình, biện pháp mới để giải quyết hiệu quả những thách thức trong thực tiễn giáo dục Ngữ văn; thể hiện năng lực ứng dụng tri thức khoa học vào giải quyết vấn đề của học viên; (ii) Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam; (iii) Tuân thủ quy định của Trường về liêm chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

9. Hướng dẫn thực hiện và đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo

9.1. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

9.1.1. Nhà trường

- Xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn, lựa chọn giáo trình, xây dựng kế hoạch giảng dạy.

- Tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo quy định.

- Công bố công khai trên website của Trường: văn bản quy định cụ thể về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ; kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm, chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy.

9.1.2. Phòng Đào tạo

- Xây dựng và cập nhật chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy.

- Phối hợp tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt.

- Phối hợp quản lý việc học tập, việc thi và nghiên cứu của học viên;

- Chủ động đề xuất với trường trong hợp tác đào tạo trình độ thạc sĩ với các cơ sở trong và ngoài nước.

9.1.3. Khoa Ngữ văn

- Xây dựng và rà soát định kỳ, cập nhật chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy.
- Tiếp nhận và quản lý học viên trong suốt quá trình đào tạo;
- Phối hợp tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt.
- Phối hợp quản lý việc học tập, việc thi và nghiên cứu của học viên;

9.1.4. Bộ môn PPDH Ngữ văn

- Phối hợp cùng Khoa và Phòng Đào tạo trong công tác quản lý, tổ chức đào tạo.

9.1.5. Giảng viên giảng dạy và hướng dẫn

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kế hoạch, chương trình đào tạo, các quy định hiện hành của Trường và của nhà nước liên quan đến đào tạo trình độ thạc sĩ.
- Thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn, giúp đỡ học viên trong học tập và nghiên cứu khoa học.
- Thường xuyên nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

9.1.6. Học viên

- Hoàn thành chương trình đào tạo; chấp hành nội quy, quy chế, quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của nhà nước và của Trường.
- Được phản hồi ý kiến với người có thẩm quyền của Trường về chương trình đào tạo.

9.2. Hướng dẫn đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo

9.2.1. Rà soát, điều chỉnh thường xuyên chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, cập nhật tối thiểu 2 năm một lần và thường xuyên rà soát trong quá trình thực hiện.
- Việc rà soát chương trình đào tạo được thực hiện: căn cứ mức độ đáp ứng các yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, và các quy định hiện hành khác có liên quan; dựa trên kết quả đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và phản hồi của các bên liên quan.
- Kết quả rà soát chương trình đào tạo được sử dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

9.2.2. Đánh giá tổng thể chương trình đào tạo

Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo.

9.2.3. Công bố chương trình đào tạo

Hiệu trưởng công bố chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung sau khi được đánh giá và cập nhật.

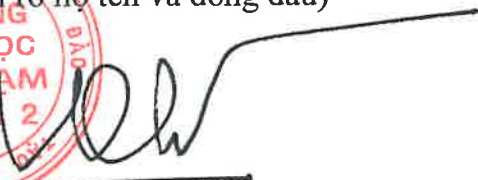
Chương trình đào tạo (gồm Mô tả chương trình đào tạo và 100% đề cương chi tiết các học phần) được công bố công khai để các bên liên quan (cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học,...) có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện.

9.2.4. Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được thực hiện với quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong quy trình kiểm định chất lượng (gồm : tự đánh giá, đánh giá ngoài, công nhận đạt chuẩn chất lượng), chương trình đào tạo được đối sánh với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Kết quả tự đánh giá, đánh giá ngoài được sử dụng làm căn cứ xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chất lượng.

HIỆU TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)


Nguyễn Quang Huy